

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÔNG CHỨNG VIÊN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(cập nhật đến ngày 09/4/2019)

STT	Họ tên	Năm sinh	QĐ bổ nhiệm	Tổ chức HNCC	Thẻ CCV	Cơ quan cấp thẻ
01.	Phan Hữu Thọ	1964	Số: 351/QĐ-UBND ngày 15/3/1996	Phòng công chứng số 2	Số 354/TP-CC ngày 15/12/2010	Bộ Tư pháp
02.	Trần Trọng Vinh	1964	Số: 1725/QĐ-BTP ngày 17/6/2010	Phòng công chứng số 3	Số 356/TP-CC ngày 15/12/2010	Bộ Tư pháp
03.	Đỗ Văn Chính	1961	Số: 1390/QĐ-BTP ngày 10/5/2010	VPCC Đại An	Số 357/TP-CC ngày 15/12/2010	Bộ Tư pháp
04.	Nguyễn Hữu Tình	1946	Số: 1398/QĐ-BTP ngày 10/5/2010	VPCC Đắk Lắk	Số 358/TP-CC ngày 15/12/2010	Bộ Tư pháp
05.	Trần Thị Minh	1956	Số: 344/QĐ-BTP ngày 18/3/2011	VPCC Đại An	Số 1296/TP-CC ngày 25/11/2013	Bộ Tư pháp
06.	Chè Nại Khoáng	1980	Số: 4655/QĐ-BTP ngày 30/12/2011	VPCC Trung Nghĩa	Số 1093/TP-CC ngày 24/01/2013	Bộ Tư pháp

07.	Trần Thị Yến	1957	Số: 2042/QĐ-BTP ngày 20/7/2012	VPCC Tây Nguyên	Số 1354/TP-CC ngày 23/01/2014	Bộ Tư pháp
08.	Cao Sỹ Hòa	1966	Số: 2035/QĐ-BTP ngày 20/7/2012	VPCC Buôn Hồ	Số 1196/TP-CC ngày 09/8/2013	Bộ Tư pháp
09.	Nguyễn Thị Lâm	1957	Số: 2414/QĐ-BTP ngày 23/8/2012	VPCC Phước Thành	Số 1344/TP-CC ngày 23/01/2014	Bộ Tư pháp
10.	Phan Đông Tùng	1964	Số: 2289/QĐ-BTP ngày 12/9/2013	VPCC Cư Kuin	Số 1343/TP-CC ngày 23/01/2014	Bộ Tư pháp
11.	Lê Thị Dung	1959	Số: 1119/ QĐ-BTP ngày 21/5/2014	VPCC Cư Kuin	Số 1561/TP-CC ngày 24/10/2014	Bộ Tư pháp
12.	Lê Thị Tuyết Mai	1977	Số: 1282/QĐ-BTP ngày 03/6/2014	Phòng công chứng số 1	Số 356/TP-CC ngày 15/12/2010	Bộ Tư pháp
13.	Nguyễn Quốc Sơn	1978	Số: 1284/QĐ-BTP ngày 03/6/2014	Phòng công chứng số 2	Số: 03/CCV ngày 14/10/2015	Sở Tư pháp
14.	Y Jon Arăn	1966	Số:2854/QĐ-BTP ngày 27/10/2014	VPCC Phước Thành	Số: 05/CCV ngày 19/10/2015	Sở Tư pháp
15.	Hồ Trung Chính	1954	Số: 2127/QĐ-BTP ngày 17/9/2014	VPCC Trung Nghĩa	Số: 06/CCV ngày 09/11/2015	Sở Tư pháp
16.	Nguyễn Bá Kính	1951	Số: 4659/QĐ-BTP	VPCC Nguyễn Bá Kính	Số: 08/CCV	Sở Tư pháp

			ngày 30/12/2011		ngày 07/6/2016	
17.	Nguyễn Thanh Huy	1968	Số: 1878/QĐ-BTP ngày 11/8/2014	VPCC Nguyễn Bá Kính	Số: 09/CCV ngày 07/6/2016	Sở Tư pháp
18.	Nguyễn Thị Tĩnh	1963	Số: 1009/QĐ-BTP ngày 29/4/2014	VPCC Tây Nguyên	Số: 10/CCV ngày 07/6/2016	Sở Tư pháp
19.	Đỗ Xuân Bình	1953	Số: 346/QĐ-BTP ngày 31/01/2013	VPCC Đỗ Xuân Bình	Số: 12/CCV ngày 07/11/2016	Sở Tư pháp
20.	Bùi Thu Hiền	1959	Số: 1877/QĐ-BTP ngày 11/8/2014	VPCC Đỗ Xuân Bình	Số: 13/CCV ngày 07/11/2016	Sở Tư pháp
21.	Đỗ Thị Thắm	1982	Số: 3420/QĐ-BTP ngày 22/12/2014	VPCC Đại An	Số: 14/CCV ngày 20/12/2016	Sở Tư pháp
22.	Trần Thị Thảo	1963	Số: 315/QĐ-BTP ngày 10/2/2014	VPCC Buôn Hồ	Số: 17/CCV ngày 18/5/2017	Sở Tư pháp
23.	Tào Thị Nga	1956	Số: 470/QĐ-BTP ngày 08/4/2011	VPCC Đàm Mạnh Hà	Số: 19/CCV ngày 06/11/2017	Sở Tư pháp
24.	Đàm Mạnh Hà	1980	Số 2547/QĐ-BTP ngày 11/12/2017	VPCC Đàm Mạnh Hà	Số 24/CCV ngày 28/12/2017	Sở Tư pháp
25.	Phạm Đình Thảo	1973	Số 3523/QĐ-BTP ngày 29/12/2014	VPCC Phạm Đình Thảo	Số 25/CCV ngày 27/3/2018	Sở Tư pháp
26.	Nguyễn Đăng Thiện	1949	Số 679/QĐ-BTP	VPCC Phạm Đình Thảo	Số 26/CCV	Sở Tư pháp

			ngày 11/5/2011		ngày 27/3/2018	
27.	Bùi Đình Phúc	1956	Số 286/QĐ-BTP ngày 09/3/2017	VPCC Đắc Lắc	Số 27/CCV Ngày 02/4/2018	Sở Tư pháp
28.	Nguyễn Văn Tiết	1950	Số 3928/QĐ-BTP ngày 19/9/2011	VPCC Nguyễn Như Cầu	Số 28/CCV Ngày 09/4/2018	Sở Tư pháp
29.	Nguyễn Như Cầu	1954	Số 1677/QĐ-BTP ngày 16/10/2017	VPCC Nguyễn Như Cầu	Số 29/CCV Ngày 09/4/2018	Sở Tư pháp
30.	Nguyễn Thị Hương Thùy	1985	Số 931/QĐ-BTP ngày 20/5/2015	VPCC Nguyễn Thị Hương Thùy	Số 30/CCV Ngày 08/5/2018	Sở Tư pháp
31.	Trần Thanh Sơn	1975	Số 3479/QĐ-BTP ngày 26/12/2014	VPCC Trần Thanh Sơn	Số 32/CCV Ngày 08/5/2018	Sở Tư pháp
32.	Võ Thị Loan	1987	Số 2134/QĐ-BTP ngày 25/10/2016	VPCC Trần Thanh Sơn	Số 33/CCV Ngày 08/5/2018	Sở Tư pháp
33.	Phùng Thị Hoàng Huyền	1984	Số 56/QĐ-BTP ngày 09/01/2018	VPCC Lê Văn Thông	Số 35/CCV Ngày 30/10/2018	Sở Tư pháp
34.	Nguyễn Anh Tăng	1984	Số 1496/QĐ-BTP ngày 12/7/2016	VPCC Nguyễn Anh Tăng	Số 36/CCV Ngày 02/11/2018	Sở Tư pháp
35.	Văn Đình Tùng	1975	Số 954/QĐ-BTP ngày 26/4/2013	VPCC Văn Đình Tùng	Số 38/CCV Ngày 02/11/2018	Sở Tư pháp
36.	Nguyễn Phong Hải	1971	Số 1468/QĐ-BTP ngày 24/6/2014	VPCC Văn Đình Tùng	Số 39/CCV Ngày 02/11/2018	Sở Tư pháp

37.	Trần Thị Huế	1989	Số 2264/QĐ-BTP ngày 09/11/2017	VPCC Nguyễn Anh Tăng	Số 40/CCV Ngày 20/11/2018	Sở Tư pháp
38.	Lê Văn Ka	1990	Số 1651/QĐ-BTP ngày 13/10/2017	VPCC Văn Đình Tùng	Số 41/CCV Ngày 02/01/2019	Sở Tư pháp
39.	Lê Văn Thông	1952	Số 964/QĐ-BTP ngày 26/4/2013	VPCC Lê Văn Thông	Số: 42/CCV Ngày 21/02/2019	Sở Tư pháp